

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy chế tư vấn giám sát xây dựng công trình trong ngành Giao Thông Vận Tải

BỘ TRƯỞNG BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

- Căn cứ Nghị định 22/CP ngày 22/03/1994 của Chính phủ quy định về nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm quản lý Nhà nước và cơ cấu tổ chức bộ máy của Bộ Giao thông vận tải;
- Căn cứ Điều lệ quản lý đầu tư và xây dựng được ban hành theo Nghị định 42/CP ngày 16 tháng 7 năm 1996 và Nghị định số 92/CP ngày 23 tháng 8 năm 1997 về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Điều lệ quản lý đầu tư và Xây dựng của Chính phủ;
- Căn cứ Điều lệ quản lý chất lượng công trình xây dựng được ban hành theo quyết định số 498/BXD-GĐ ngày 18 tháng 9 năm 1996 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng;
- Theo đề nghị của ông Cục trưởng Cục Giám định và Quản lý chất lượng công trình giao thông,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Nay ban hành kèm theo Quyết định này bản "Quy chế tư vấn giám sát xây dựng công trình trong ngành giao thông vận tải".

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 177/CGĐ ngày 26 tháng 01 năm 1997 về việc ban hành Quy chế công tác tư vấn giám sát xây dựng công trình giao thông của Bộ Giao thông vận tải.

Điều 3: Các ông Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, Vụ trưởng các Vụ thuộc Bộ, Cục trưởng Cục Giám định và QLCL CTGT, Cục trưởng các Cục chuyên ngành, Tổng Giám đốc Liên hiệp đường sắt Việt Nam, Tổng giám đốc các Ban quản lý dự án trực thuộc Bộ, các Tổng công ty, Giám đốc các Sở Giao thông vận tải, Sở

Giao thông công chính và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan trong ngành GTVT chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

K.T. BỘ TRƯỞNG

THỨ TRƯỞNG

(Đã ký)

Phạm Quang Tuyền

QUY CHẾ

Tư vấn giám sát xây dựng công trình trong ngành Giao Thông Vận Tải

(Được ban hành theo Quyết định số 1562/1999/QĐ-BGTVT ngày 29 tháng 6 năm

1999

của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Chương 1

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1: Phạm vi và đối tượng áp dụng

Quy chế này quy định hoạt động tư vấn giám sát xây dựng công trình, được áp dụng thống nhất đối với tất cả các dự án đầu tư xây dựng công trình trong ngành giao thông vận tải (sau đây viết tắt là GTVT).

Điều 2: Các từ ngữ trong Quy chế này được hiểu như sau: .

2.1. "Tư vấn giám sát" (sau đây viết tắt là TVGS) là dịch vụ tư vấn để theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, đánh giá tiến độ, chất lượng và giá thành công trình theo Hợp đồng với chủ đầu tư.

2.2. "Tổ chức tư vấn giám sát" là tổ chức có tư cách pháp nhân, năng lực hành nghề và các giám sát viên có chứng chỉ TVGS.

2.3. "Chứng chỉ tư vấn giám sát" là giấy chứng nhận trình độ năng lực của người tham gia làm công tác giám sát xây dựng công trình, đã qua lớp đào tạo và thi đạt tiêu chuẩn TVGS, được cơ quan có thẩm quyền thuộc Bộ GTVT cấp.

Điều 3: Tất cả các dự án xây dựng công trình trong ngành GTVT nhất thiết phải tuyển chọn hoặc chỉ định tổ chức TVGS có đủ tiêu chuẩn Điều 2 khoản 2.2 của Quy chế này để thực hiện công tác TVGS.

Chương II

NHIỆM VỤ QUYỀN HẠN, TRÁCH NHIỆM CỦA TỔ CHỨC TƯ VẤN GIÁM SÁT

Điều 4: Nhiệm vụ của tổ chức tư vấn giám sát

Tổ chức tư vấn giám sát thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ đã ký trong Hợp đồng với Chủ đầu tư và thay mặt Chủ đầu tư quản lý chất lượng, tiến độ, giá thành xây dựng công trình. Cụ thể là: .

4.1. Quản lý chất lượng là nhiệm vụ hàng đầu, chủ yếu, đồng thời là trách nhiệm cao nhất của TVGS.

1 . Kiểm tra đồ án thiết kế, các bản chỉ dẫn kỹ thuật được duyệt và đối chiếu với hiện trường; đề xuất với chủ đầu tư về phương án giải quyết những tồn tại trong hồ sơ thiết kế cho phù hợp thực tế.

2. Thẩm tra và ký chấp thuận các bản vẽ thi công trình chủ đầu tư phê duyệt.

3. Căn cứ hồ sơ thiết kế, các chỉ dẫn kỹ thuật đã duyệt. trong hồ sơ thầu; các quy trình, quy phạm, tiêu chuẩn ngành, tiêu chuẩn Việt Nam hiện hành để triển khai công tác giám sát chất lượng trong quá trình thi công:

a) Kiểm tra xác nhận số lượng, chất lượng máy móc thiết bị (đặc biệt những thiết bị chủ yếu phải có đủ), nhân lực, vật liệu của nhà thầu chính, nhà thầu phụ theo chỉ dẫn kỹ thuật trong hồ sơ thầu;

b) Thường xuyên kiểm tra lấy mẫu tại các mỏ vật liệu, các nguồn cung cấp vật liệu, cấu kiện. Không được cho lấy vật liệu, cấu kiện về công trường xây dựng mà chưa có xác nhận kiểm tra bằng văn bản;

c) Kiểm tra và xác nhận bằng văn bản về chất lượng phòng thí nghiệm tại hiện trường của nhà thầu theo quy định trong đơn mời thầu và chỉ cho phép nhà thầu thi

công khi có đủ các thiết bị thí nghiệm, mọi trách nhiệm thuộc về nhà thầu và kỹ sư thí nghiệm.

d) Kiểm tra việc bàn giao mặt bằng xây dựng công trình với nhà thầu xây lắp (tim, cốt, các mốc định vị công trình...) và công tác chuẩn bị trên công trường của nhà thầu.

e) Kiểm tra hệ thống đảm bảo chất lượng nội bộ của nhà thầu xây lắp và năng lực chuyên môn của thí nghiệm viên, chỉ đạo nhà thầu lấy mẫu thí nghiệm lưu, giữ các mẫu đối chứng, giám sát quá trình thí nghiệm, giám định kết quả thí nghiệm của nhà thầu và xác nhận vào phiếu thí nghiệm.

f) Kiểm tra đánh giá kịp thời chất lượng các bộ phận, các hạng mục công trình, nghiệm thu trước khi chuyển giai đoạn thi công.

g) Kiểm tra, lập biên bản không cho phép sử dụng các loại vật liệu, cấu kiện, thiết bị và sản phẩm không đảm bảo chất lượng do nhà thầu đưa đến hiện trường.

h) Phát hiện các sai sót, khuyết tật, hư hỏng, sự cố các bộ phận công trình, lập biên bản hoặc lập hồ sơ sự cố theo quy định hiện hành của Nhà nước, trình cấp có thẩm quyền giải quyết hoặc xử lý theo ủy quyền.

4. Xác nhận bằng văn bản kết quả thi công của nhà thầu đạt yêu cầu tiêu chuẩn kỹ thuật theo chỉ dẫn kỹ thuật trong hồ sơ thầu.

4.2. Quản lý tiến độ thi công .

1 Kiểm tra, xác nhận tiến độ thi công tổng thể và chi tiết do nhà thầu lập. Thường xuyên kiểm tra đôn đốc nhà thầu điều chỉnh tiến độ thi công cho phù hợp với thực tế tại công trường để đảm bảo dự án thực hiện đúng tiến độ. Đề xuất các giải pháp rút ngắn tiến độ thi công công trình.

2. Kiểm tra, xử lý những phương án về an toàn công trình, an toàn giao thông, bảo vệ môi trường; tham gia giải quyết những sự cố có liên quan đến công trình xây dựng và báo cáo kịp thời cấp có thẩm quyền theo quy định hiện hành. Kiên quyết không cho thi công khi nhà thầu không tuân thủ thiết kế công nghệ thi công.

3. Lập báo cáo tuần, tháng, quý, năm và báo cáo đột xuất về tiến độ, chất lượng, khối lượng, thanh toán giải ngân và những vấn đề vướng mắc cho Chủ đầu tư.